

**BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 20201**  
**Lớp ĐTCN 2 K10 Mã lớp học 30,773 Lý thuyết**

Môn học: ĐTCMH42 Kỹ thuật Truyền hình

Giáo viên: *Ths Dương Thanh Phương*

Số đơn vị học trình: 2

Ngày thi .....

| STT | Mã SV    | Họ và tên             | Ngày sinh  | Điểm | Số tờ | Chữ ký SV    | Ghi chú         |
|-----|----------|-----------------------|------------|------|-------|--------------|-----------------|
| 1   | CD181679 | Hoàng Tuấn Anh        | 26/05/2000 | 7,5  |       | <i>anh</i>   |                 |
| 2   | CD181101 | Bùi Văn Bắc           | 19/05/2000 | 6,0  |       | <i>Bắc</i>   |                 |
| 3   | CD181308 | An Hữu Biên           | 02/08/1999 | 9,0  |       | <i>Biên</i>  |                 |
| 4   | CD181259 | Phạm Bá Biểu          | 11/11/2000 | 5,0  |       | <i>Biểu</i>  |                 |
| 5   | CD180974 | Hoàng Ngọc Chinh      | 12/05/2000 | 8,5  |       | <i>chinh</i> |                 |
| 6   | CD182024 | Lưu Văn Chung         | 18/12/2000 | 5,5  |       | <i>Chung</i> |                 |
| 7   | CD181076 | Lại Thế Công          | 01/12/2000 | 6,0  |       | <i>Công</i>  |                 |
| 8   | CD181680 | Đỗ Doãn Đạt           | 16/05/2000 | 6,5  |       | <i>Đạt</i>   |                 |
| 9   | CD172324 | Dương Ngọc Diệu       | 01/06/1999 | 7,5  |       | <i>Diệu</i>  |                 |
| 10  | CD181830 | Đồng Văn Đoan         | 08/02/2000 | 6,0  |       | <i>Đoan</i>  |                 |
| 11  | CD182043 | Hoàng Trọng Đức       | 23/09/2000 | 8,5  |       | <i>Đức</i>   |                 |
| 12  | CD181870 | Nguyễn Đăng Dương     | 27/11/2000 | 7,5  |       | <i>Dương</i> |                 |
| 13  | CD181307 | Hà Mạnh Hiếu          | 14/09/2000 | 9,0  |       | <i>Hà</i>    |                 |
| 14  | CD181619 | Lê Công Hiếu          | 09/01/2000 | 5,0  |       | <i>Hiếu</i>  |                 |
| 15  | CD182074 | Nông Văn Hùng         | 08/11/2000 | 8,5  |       | <i>Hùng</i>  |                 |
| 16  | CD181694 | Nguyễn Tiên Hưng      | 01/08/2000 | 7,5  |       | <i>Hưng</i>  |                 |
| 17  | CD181040 | Trần Tiến Hưng        | 14/02/2000 | 8,5  |       | <i>Hưng</i>  |                 |
| 18  | CD182086 | Lưu Giang Huy         | 22/02/2000 | 8,5  |       | <i>Huy</i>   |                 |
| 19  | CD181180 | Nguyễn Đăng Huy       | 05/04/2000 | 8,0  |       | <i>Huy</i>   |                 |
| 20  | CD182081 | Phạm Đình Huy         | 09/12/2000 | 7,0  |       | <i>Huy</i>   |                 |
| 21  | CD181739 | Tạ Quốc Huy           | 07/06/2000 | 8,5  |       | <i>Huy</i>   |                 |
| 22  | CD182075 | Nông Văn Huỳnh        | 21/01/2000 | 7,0  |       | <i>Huỳnh</i> |                 |
| 23  | CD182111 | Trần Đình Khánh       | 25/02/2000 | 8,5  |       | <i>Khánh</i> |                 |
| 24  | CD182010 | Lê Văn Kiên           | 22/06/2000 | 6,5  |       | <i>Kiên</i>  |                 |
| 25  | CD182073 | Nông Văn Kiên         | 04/03/2000 | 9,0  |       | <i>Kiên</i>  |                 |
| 26  | CD182121 | Cao Văn Lâm           | 12/05/2000 | 7,0  |       | <i>Lâm</i>   |                 |
| 27  | CD180973 | Nhâm Hữu Liêm         | 08/10/2000 | 9,0  |       | <i>Liêm</i>  |                 |
| 28  | CD181166 | Lê Gia Linh           | 04/12/2000 | 6,0  |       | <i>Linh</i>  |                 |
| 29  | CD181029 | Nguyễn Hoàng Hải Long | 21/10/2000 | 8,0  |       | <i>Long</i>  |                 |
| 30  | CD181090 | Trần Bình Minh        | 29/11/2000 | 5,0  |       | <i>Minh</i>  |                 |
| 31  | CD181164 | Tăng Nhật Nam         | 14/08/2000 | 8,5  |       | <i>Nam</i>   | (8,5) <i>ws</i> |
| 32  | CD182070 | Nông Văn Ngoan        | 26/07/2000 | 8,0  |       | <i>Ngoan</i> |                 |
| 33  | CD181028 | Phạm Minh Ngọc        | 28/12/2000 | 9,0  |       | <i>Ngọc</i>  |                 |
| 34  | CD181318 | Đoàn Việt Phong       | 25/06/2000 | 9,0  |       | <i>Phong</i> |                 |
| 35  | CD181261 | Đỗ Đăng Quang         | 09/12/2000 | 7,5  |       | <i>Quang</i> |                 |

| STT | Mã SV    | Họ và tên         | Ngày sinh  | Điểm | Số tờ | Chữ ký SV | Ghi chú |
|-----|----------|-------------------|------------|------|-------|-----------|---------|
| 36  | CD181038 | Trần Hữu Quang    | 14/01/2000 | 9,5  |       | Quang     |         |
| 37  | CD181603 | Nguyễn Văn Quy    | 16/02/2000 | 7,5  |       | Quy       |         |
| 38  | CD182029 | Đỗ Sỹ Quyết       | 01/05/2000 | 9,0  |       | Quyết     |         |
| 39  | CD180080 | Đỗ Văn Tân        | 08/07/1997 | 8,0  |       | Tân       |         |
| 40  | CD181361 | Đỗ Văn Thắng      | 29/08/2000 | 7,5  |       | Thắng     |         |
| 41  | CD181851 | Nguyễn Văn Vinh   | 21/08/2000 | 8,0  |       | Vinh      |         |
| 42  | CD182001 | Nguyễn Xuân Vượng | 05/09/2000 | 8,5  |       | Vượng     |         |

Tổng số sinh viên dự thi: 42

Số sinh viên đạt: 42

Tổng số tờ giấy thi: .....

Ngày giáo viên nộp điểm: 30/12/2020

Hạn cuối nộp điểm: .....

PHÒNG ĐÀO TẠO

*Trần Thị Như Trang*

Trần Thị Như Trang

CÁN BỘ CHẤM THI

*Dương Thanh Phương*

CÁN BỘ COI THI 1

TRƯỞNG KHOA

*Nguyễn Tiến Khải*

CÁN BỘ COI THI 2

CHỦ NHIỆM KHOA

GVC. Nguyễn Tiến Khải

*Đỗ Văn Thắng*